TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 12/03/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, Thông báo mở phiên tòa sơ thẩm số 01/2020/TB-TA ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN.

Địa chỉ: số 35 HV, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé T - Chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG. Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018 của ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN ký quyết định ủy quyền.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh và nơi làm việc: số 222 đường LTT, phường ML, thành phốLX, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh C- Chức vụ: Chuyên viên quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG. Theo quyết định về việc ủy quyền lại tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 170/QĐ-BIDV.AG ngày 29/03/2019 của ông Nguyễn Văn Bé T - Chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG ký quyết định ủy quyền.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh và nơi làm việc: số 222 đường LTT, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Công T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 98/12 HL 943 khóm TK4, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 03 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Nguyễn Minh Cđại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 15 tháng 06 năm 2016 ông Phạm Công T cùng Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN – Chi nhánh AG thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD, cho ông Phạm Công T vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: tiêu dùng và phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016, ông T có trả gốc và lãi cho Ngân hàng với số tiền là 66.509.651đ. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2019 ông T tiếp tục trả tiền nợ vốn cho Ngân hàng 19.000.000đ. Do đó, số tiền nợ vốn còn lại 85.900.000đ. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ số tiền nợ gốc nhưng ông Phạm

Công T không thực hiện thanh toán nợ gốc theo cam kết theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng.

Do ông T vi phạm hợp đồng tín dụng 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN – Do Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG đại diện nhận số tiền 124.465.874 đồng. Trong đó số tiền vốn còn lại 85.900.000đ, tiền lãi trong hạn 32.455.078đ, tiền lãi quá hạn 6.110.796đ (tạm tính đến ngày 10/03/2020); yêu cầu tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Công T vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ với tổng số tiền là 124.465.874đ. Trong đó, tiền vốn 85.900.000đ, tiền lãi trong hạn 32.455.078đ, tiền lãi quá hạn 6.110.796đ, tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 10/03/2020 tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ký ngày 15 tháng 06 năm 2016 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở phiên tòa sơ thẩm theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN ủy quyền cho ông Nguyễn Minh C- Chức vụ: Chuyên viên quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG. Theo quyết định về việc ủy quyền lại tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 170/QĐ-BIDV.AG ngày 29/03/2019 của ông Nguyễn Văn Bé T - Chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG ký quyết định ủy quyền. Ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 561 và Điều 562 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG, tranh chấp về số tiền theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/06/2016, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Xét, tranh chấp giữa các bên phát sinh thuộc giao dịch dân sự. Bị đơn cư trú tại phường MH, thành phố LX, tỉnh AG đã được thể hiện theo hợp đồng tín dụng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[4] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng số 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016 thấy: Ông Phạm Công T là người ký tên vay với tư cách là bên vay tiền của Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG. Ông T đã ký nhận đủ số tiền 150.000.000đ vào ngày 16 tháng 06 năm 2016. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, bảng kê rút vốn và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Ông T đã vay số tiền 150.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016, chỉ thực hiện trả gốc và lãi cho Ngân hàng với số tiền là 66.509.651đ. Do ông T vi phạm hợp đồng tín dụng 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm trả nợ vốn, lãi; yêu cầu tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T trả dứt nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ với tổng số tiền là 124.465.874đ. Trong đó, tiền vốn 85.900.000đ, tiền lãi trong hạn 32.455.078đ, tiền lãi quá hạn 6.110.796đ, tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 10/03/2020 tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ký ngày 15/06/2016 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Phạm Công T phải nộp

tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về dân sự. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 561, Điều 562 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN đối với ông Phạm Công T.

Buộc ông Phạm Công T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN – Do Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG đại diện nhận số tiền 124.465.874 đồng (một trăm, hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó, số tiền vốn 85.900.000đ (tám mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng); tiền lãi trong hạn 32.455.078đ, tiền lãi quá hạn 6.110.796d (sáu triệu, một trăm mười một ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng), (tạm tính đến ngày 10 tháng 03 năm 2020).

Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2016 cho đến khi ông Phạm Công T trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Về án phí sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN – Do Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN - Chi nhánh AG đại diện nhận số tiền 2.622.500đ (hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm

đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003127 ngày 29 tháng 05 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Phạm Công T phải chịu 6.223.293đ (sáu triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCPĐTvàPTVN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Công T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông Phạm Công T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Tp.Long Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Phương